

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T C
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 12 - 2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T C, TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trang Thị Cẩm Nhuận

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Minh Trí là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 20 tháng 12 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện T C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 15/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Dương Thị Hồng Đ, sinh năm 1995; (có mặt)

Địa chỉ: Khóm 6, thị trấn Cầu Quan, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

- **Bị đơn:** Anh Phan Văn H, sinh năm 1990; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Định Phú A, xã Long Thới, huyện T C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Theo đơn khởi kiện và lời khai của chị Dương Thị Hồng Đ là nguyên đơn như sau:**

Chị Đ và anh Phan Văn H chung sống với nhau năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Cầu Quan, huyện T C, tỉnh Trà Vinh. Chị Đ và anh H có 01 người con chung tên Phan Dương Khánh Th, sinh ngày 01/5/2018 hiện đang sống với chị Đ. Nguyên nhân yêu cầu ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ

chồng không quan tâm, lo lắng, giúp đỡ nhau nên không còn hạnh phúc, chị Đ và anh H đã ly thân với nhau từ năm 2020.

Nay về hôn nhân: Chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Phan Dương Khánh Thy.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đ không yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Đ khai chị và anh H không có tH nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Phan Văn H là bị đơn vắng mặt và không cung cấp văn bản ghi ý kiến của mình

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Phan Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh H.

Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án ly hôn và tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T C theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Hồng Đ và anh Phan Văn H chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Chị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh H do có nhiều mâu thuẫn. Xét thấy qua lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ đương sự cung cấp đã thể hiện về tình trạng hôn nhân giữa chị Đ và anh H có nhiều mâu thuẫn do không có sự quan tâm, yêu thương, giúp đỡ nhau, anh H và chị Đ không còn chung sống với nhau từ năm 2020. Từ đó, xét thấy mâu thuẫn giữa chị Đ và anh H đã xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Đ được ly hôn với anh H.

[3] Về con chung: Chị Đ và anh H có 01 con chung tên Phan Dương Khánh Th, sinh ngày 01/5/2018. Hiện nay chị Đ là người trực tiếp nuôi con. Do đó xét

thấy cần giao Phan Dương Khánh Th cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và đảm bảo điều kiện phát triển của con chưa thành niên.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án đã giải thích quy định của pháp luật về việc người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng chị Đ không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con nên khi ly hôn anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Đ không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Chị Đ và anh H không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về nợ chung: Chị Đ khai chị Đ và anh H không có tH nợ ai nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xét thấy cần buộc chị Dương Thị Hồng Đ phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Hồng Đ.

Về hôn nhân: Chị Dương Thị Hồng Đ được ly hôn với anh Phan Văn H.

Về con chung: Giao con chung của chị Đ và anh H tên Phan Dương Khánh Th, sinh ngày 01/5/2018 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Đ không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Về tài sản chung: Chị Đ và anh H không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về nợ chung: Chị Đ khai không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Dương Thị Hồng Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006267 ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T C. Chị Đ đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được Tòa án giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T C;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- CCTHADS huyện T C;
- UBND Thị trấn Cầu Quan, huyện T C, tỉnh Trà Vinh;
- Dương sự;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Tùng